|  |
| --- |
|  **I. LĨNH VỰC “ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT” (02 TTHC)** |
|  |
| **STT** | **Tên thủ tục** | **Ngày thụ lý** |
| 1 | Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức tư pháp - hộ tịch. |
| 2 | Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của công chức tư pháp - hộ tịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật. |

|  |
| --- |
| **II. LĨNH VỰC “HÒA GIẢI CƠ SỞ” (04 THỦ TỤC)** |
| **STT** | **Tên thủ tục** | **Ngày thụ lý** |
| 1 | [Thủ tục công nhận hòa giải viên](http://tthc.thuathienhue.gov.vn/Content/Thutuc/chitiet.aspx?iThuTuc=4805) | 05 |
| 2 | Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải | 05 |
| 3 | Thủ tục thôi làm hòa giải viên | 05 |
| 4 | Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên | 08 |

|  |
| --- |
| **IV. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (01 TTHC)** |
| **STT** | **Tên thủ tục** | **Ngày thụ lý** |
| 1 | Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | 05 ngày làm việc  |

|  |
| --- |
| **IV. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (03 TTHC)** |
| **STT** | **Tên thủ tục** | **Ngày thụ lý** |
| 1 | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước | 30 ngày |
| 2 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước | 05 ngày làm việc |
| 3 | Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi | 30 ngày |

**I. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (02 TTHC)**

**1. Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật (cấp xã)**

**Trình tự thực hiện:**

**-**Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn, ấp, bản, phum, sóc, tổ dân phố thông báo công khai tiêu chuẩn tuyên truyền viên pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật; trình tự, thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật theo quy định của Thông tư [21/2013/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=21/2013/TT-BTP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) tới cơ quan, đơn vị và người dân trên địa bàn.

**-**Trong tháng 6 và tháng 12 hằng năm, Trưởng ban công tác Mặt trận lập danh sách những người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật (mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư [21/2013/TT-BTP)](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=21/2013/TT-BTP)&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) gửi công chức Tư pháp - Hộ tịch.

**-**Kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của Trưởng ban công tác Mặt trận, công chức Tư pháp - Hộ tịch xem xét, tổng hợp danh sách những người có đủ tiêu chuẩn làm tuyên truyền viên pháp luật, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, công nhận tuyên truyền viên pháp luật.

**Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**Thành phần hồ sơ:**Danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật theo mẫu số 04 Thông tư 21/2013/TT-BTP.

**Số lượng hồ sơ:** Không quy định

**Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:**Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:**Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:**Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Cá nhân.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật theo mẫu số 04 Thông tư 21/2013/TT-BTP.

**Lệ phí:**Không.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật.

**Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**Không

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012;

- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 28/2013/NĐ-CP);

- Thông tư số [21/2013/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=21/2013/TT-BTP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 18 tháng 12 năm 2013của Bộ Tư pháp về quy trình trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật, công nhận, cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật và một số biện pháp đảm bảo hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **Ủy ban MTTQ xã, phường,thị trấnBan công tác MTTQ thôn, bản, tổ dân phố--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *……., ngày … tháng … năm……* |

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG
NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Giới tính** | **Chức vụ, chức danh và đơn vị công tác (nếu có)** | **Trình độ chuyên môn** | **Địa chỉ liên hệ** | **Ghi chú** |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Trưởng ban công tác mặt trận thôn, bản, tổ dân phố***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**2. Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật (cấp xã)**

**Trình tự thực hiện:**

Trưởng ban công tác Mặt trận lập danh sách những người thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số [21/2013/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=21/2013/TT-BTP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) (mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số [21/2013/TT-BTP)](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=21/2013/TT-BTP)&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) gửi công chức Tư pháp – Hộ tịch tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật và thông báo cho tuyên truyền viên pháp luật về việc đề nghị cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật.

Trong trường hợp tuyên truyền viên pháp luật vì lý do sức khoẻ, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác mà xét thấy không thể hoàn thành nhiệm vụ thì xin thôi làm tuyên truyền viên pháp luật.

Đơn xin thôi làm tuyên truyền viên pháp luật được gửi tới công chức Tư pháp - Hộ tịch để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra Quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật.

**Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**Thành phần hồ sơ:**

**-**Danh sách tuyên truyền viên pháp luật thuộc trường hợp đề nghị cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật.

- Hoặc Đơn xin thôi làm tuyên truyền viên pháp luật trong trường hợp tuyên truyền viên pháp luật vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác mà xét thấy không thể hoàn thành nhiệm vụ.

**Số lượng hồ sơ:** Không quy định

**Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Kể từ ngày nhận được đề nghị của Trưởng ban công tác Mặt trận, công chức Tư pháp - Hộ tịch tổng hợp danh sách những người thuộc trường hợp cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:**Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:**Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:**Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Cá nhân.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Danh sách tuyên truyền viên pháp luật thuộc trường hợp đề nghị cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật.

**Lệ phí:**Không.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật.

**Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Việc cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật được thực hiện khi tuyên truyền viên pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây:

**-**Thực hiện một trong các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 9 của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật;

- Bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;

- Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

- Không còn uy tín trong cộng đồng dân cư.

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012;

- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 28/2013/NĐ-CP);

- Thông tư số [21/2013/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=21/2013/TT-BTP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 18 tháng 12 năm 2013của Bộ Tư pháp về quy trình trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật, công nhận, cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật và một số biện pháp đảm bảo hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **Ủy ban MTTQ xã, phường,thị trấnBan công tác MTTQ thôn, bản, tổ dân phố--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *……., ngày … tháng … năm……* |

**DANH SÁCH TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT THUỘC TRƯỜNG HỢP
ĐỀ NGHỊ CHO THÔI LÀM TUYÊN TRUYỀN VIÊN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Giới tính** | **Chức vụ, chức danh và đơn vị công tác (nếu có)** | **Địa chỉ liên hệ** | **Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật***(ghi rõ số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành Quyết định)* | **Lý do thôi làm tuyên truyền viên** | **Ghi chú** |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Trưởng ban công tác mặt trận thôn, bản, tổ dân phố***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**I. LĨNH VỰC HÒA GIẢI CƠ SỞ (04 TTHC)**

**1. Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)**

**Trình tự thực hiện:**

a) Chuẩn bị bầu hòa giải viên:

- Trong thời hạn 20 ngày, trước ngày dự kiến bầu hòa giải viên, Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, đại diện các tổ chức thành viên của Mặt trận dự kiến những người được bầu làm hòa giải viên; thống nhất thời gian bầu hòa giải viên; quyết định hình thức bầu hòa giải viên; quyết định danh sách Tổ bầu hòa giải viên do Trưởng ban công tác Mặt trận làm tổ trưởng, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố làm phó tổ trưởng, một số trưởng các chi, tổ, hội của thôn, tổ dân phố là thành viên.

Tổ bầu hòa giải viên lập danh sách những người dự kiến bầu làm hòa giải viên (sau đây gọi tắt là danh sách bầu hòa giải viên) sau khi đã trao đổi, động viên và nhận được sự đồng ý của những người được giới thiệu bầu làm hòa giải viên.

Trường hợp thành lập Tổ hòa giải mới, danh sách bầu hòa giải viên ít nhất bằng với số lượng hòa giải viên đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, trong đó có hòa giải viên nữ. Đối với vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, danh sách bầu hòa giải viên phải có người dân tộc thiểu số;

- Danh sách bầu hòa giải viên được thông báo công khai tại thôn, tổ dân phố trong thời hạn 07 ngày, trước ngày bầu hòa giải viên. Trường hợp có ý kiến phản ánh về danh sách bầu hòa giải viên, thì Trưởng ban công tác Mặt trận xem xét, giải quyết.

b) Tổ chức bầu hòa giải viên:

- Việc bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp được tiến hành khi có trên 50% đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố trở lên tham dự và thực hiện như sau:

Đại diện Tổ bầu hòa giải viên giới thiệu danh sách Tổ bầu hòa giải viên; tiêu chuẩn của hòa giải viên; danh sách bầu hòa giải viên; thống nhất hình thức bầu hòa giải viên tại cuộc họp.

Trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai, Tổ bầu hòa giải viên trực tiếp đếm số người biểu quyết và lập biên bản về kết quả biểu quyết (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số [01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/NQLT-CP-UBT%C6%AFMTTQVN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở - sau đây gọi tắt là Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN).

Trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức bỏ phiếu kín, Tổ bầu hòa giải viên làm nhiệm vụ phát phiếu, phổ biến quy chế bỏ phiếu, thu nhận phiếu và kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu với sự có mặt chứng kiến của ít nhất 01 đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu hòa giải viên; lập biên bản kiểm phiếu (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN);

- Việc bầu hòa giải viên bằng hình thức phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình trong thôn, Tổ dân phố được thực hiện như sau:

Tổ bầu hòa giải viên phát phiếu bầu đến các hộ gia đình, thu nhận lại phiếu bầu và kiểm phiếu với sự có mặt chứng kiến của ít nhất 01 đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu hòa giải viên, lập biên bản kiểm phiếu (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN).

c) Đề nghị và xem xét, quyết định công nhận hòa giải viên:

- Trường hợp kết quả bầu hòa giải viên đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 8 của Luật hòa giải ở cơ sở, Trưởng ban công tác Mặt trận lập danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số[01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN)](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/NQLT-CP-UBT%C6%AFMTTQVN)&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) kèm theo biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết bầu hòa giải viên gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách người được đề nghị công nhận hòa giải viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

- Trường hợp số người được đề nghị công nhận là hòa giải viên lấy theo kết quả bỏ phiếu từ cao xuống thấp nhiều hơn số lượng hòa giải viên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thì Trưởng ban công tác Mặt trận lập danh sách những người được đề nghị công nhận, trong đó bao gồm những người có số phiếu bằng nhau gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

- Việc bầu lại hòa giải viên được thực hiện trong trường hợp kết quả bầu không có người nào đạt trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý. Việc bầu bổ sung hòa giải viên được thực hiện trong trường hợp kết quả bầu không đủ số lượng hòa giải viên để thành lập Tổ hòa giải theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Trường hợp tổ hòa giải đã được thành lập đủ số lượng hòa giải viên theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, nhưng chưa có hòa giải viên nữ hoặc hòa giải viên là người dân tộc thiểu số theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật hòa giải ở cơ sở, thì Trưởng ban công tác Mặt trận làm văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng ban công tác Mặt trận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc bầu bổ sung hòa giải viên nữ hoặc hòa giải viên là người dân tộc thiểu số;

- Nếu việc bầu lại hoặc bầu bổ sung hòa giải viên không đạt kết quả, thì Trưởng ban công tác Mặt trận làm văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng ban công tác Mặt trận, căn cứ vào yêu cầu thực tiễn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định số lượng, thành phần tổ hòa giải.

**Cách thức thực hiện:** Việc bầu hòa giải viên được tiến hành bằng một trong các hình thức sau đây:

- Biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp đại diện các hộ gia đình;

- Phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình.

**Thành phần hồ sơ:**

- Danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên.

- Biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết bầu hòa giải viên.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:**Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:**Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:**Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Trưởng ban Công tác Mặt trận chủ trì phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, đại diện các tổ chức thành viên của Mặt trận tại thôn, tổ dân phố, đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số [01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/NQLT-CP-UBT%C6%AFMTTQVN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) trong trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai.

- Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số [01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/NQLT-CP-UBT%C6%AFMTTQVN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) trong trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức bỏ phiếu kín.

- Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số [01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/NQLT-CP-UBT%C6%AFMTTQVN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) trong trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức phát phiếu bầu đến hộ gia đình.

- Danh sách đề nghị công nhận hòa giải viên - Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN.

**Lệ phí:**Không.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Quyết định công nhận hòa giải viên.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người được bầu làm hòa giải viên phải là công dân Việt Nam thường trú tại cơ sở, tự nguyện tham gia hoạt động hòa giải và có các tiêu chuẩn sau đây:

+ Có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng dân cư;

+ Có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân; có hiểu biết pháp luật.

- Người được đề nghị công nhận là hòa giải viên phải đạt trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý.

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013;

- Nghị quyết liên tịch số [01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/NQLT-CP-UBT%C6%AFMTTQVN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| Xã, phường, thị trấn:………………………….**Thôn, tổ dân phố:**…………………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**BIÊN BẢN**

VỀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT BẦU HÒA GIẢI VIÊN TẠI CUỘC HỌP ĐẠI DIỆN CÁC HỘ GIA ĐÌNH

Hôm nay, vào……….giờ…………, ngày……..tháng………năm……

Tại:...........................................................................................................................

Thôn/tổ dân phố;……………………………………………… tổ chức cuộc họp đại diện các hộ gia đình bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai.

Tổ bầu hòa giải viên gồm các thành viên sau đây:

Ông (Bà):........................................................................................... - Tổ Trưởng

Ông (Bà):....................................................................................... - Phó tổ trưởng

Ông (Bà):............................................................................................ - Thành viên

Ông (Bà):............................................................................................ - Thành viên

Ông (Bà):............................................................................................ - Thành viên

Ông (Bà):............................................................................................ - Thành viên

Ông (Bà):........................................................................................... - Thành viên

đã tiến hành xác định kết quả biểu quyết bầu hòa giải viên.

Tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố:..............................................

Số lượng đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp: .................................................

Kết quả biểu quyết:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Số người biểu quyết đồng ý** | **Tỷ lệ % đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý** |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |

Cuộc họp kết thúc vào…….. giờ……… ngày……… tháng…….. năm………..

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNHCHỨNG KIẾN****[[1]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-1154-QD-UBND-2015-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-moi-thuoc-So-Tu-Phap-Thua-Thien-Hue-279843.aspx%22%20%5Cl%20%22_ftn1%22%20%5Co%20%22)***(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TM. TỔ BẦU HÒA GIẢI VIÊNTỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| Xã, phường, thị trấn:………………………….**Thôn, tổ dân phố:**…………………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**BIÊN BẢN**

KIỂM PHIẾU BẦU HÒA GIẢI VIÊN TẠI CUỘC HỌP ĐẠI DIỆN CÁC HỘ GIA ĐÌNH

Hôm nay, vào……….giờ……….., ngày……..tháng………năm……

Tại:...........................................................................................................................

Thôn/tổ dân phố;……………………………………………tổ chức cuộc họp đại diện các hộ gia đình bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai.

Tổ bầu hòa giải viên gồm các thành viên sau đây:

Ông (Bà):.......................................................................................... - Tổ Trưởng

Ông (Bà):....................................................................................... - Phó tổ trưởng

Ông (Bà):............................................................................................ - Thành viên

Ông (Bà):............................................................................................ - Thành viên

Ông (Bà):............................................................................................ - Thành viên

Ông (Bà):............................................................................................ - Thành viên

Ông (Bà):............................................................................................ - Thành viên

đã tiến hành kiểm phiếu bầu hòa giải viên với sự có mặt chứng kiến của đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu làm hòa giải viên là ông (bà):………………………, địa chỉ........................................................................

Tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố: .............................................

Số lượng đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp: .................................................

Kết quả kiểm phiếu bầu hòa giải viên như sau:

- Tổng số phiếu phát ra:

- Tổng số phiếu thu về:

- Số phiếu hợp lệ:

- Số phiếu không hợp lệ:

- Kết quả kiểm phiếu:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Số lượng phiếu bầu** | **Tỷ lệ % đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý** |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |

Cuộc họp kết thúc vào…….. giờ……… ngày……… tháng…….. năm………..

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNHCHỨNG KIẾN****[[2]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-1154-QD-UBND-2015-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-moi-thuoc-So-Tu-Phap-Thua-Thien-Hue-279843.aspx%22%20%5Cl%20%22_ftn2%22%20%5Co%20%22)***(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TM. TỔ BẦU HÒA GIẢI VIÊNTỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 03**

|  |  |
| --- | --- |
| Xã, phường, thị trấn:………………………….**Thôn, tổ dân phố:**…………………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**BIÊN BẢN**

KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN CÁC HỘ GIA ĐÌNH VỀ VIỆC BẦU HÒA GIẢI VIÊN

Hôm nay, vào……….giờ……….., ngày……..tháng………năm……

Tại:...........................................................................................................................

Tổ bầu hòa giải viên gồm các thành viên sau đây:

Ông (Bà):............................................................................................ - Tổ Trưởng

Ông (Bà):....................................................................................... - Phó tổ trưởng

Ông (Bà):............................................................................................ - Thành viên

Ông (Bà):............................................................................................ - Thành viên

Ông (Bà):............................................................................................ - Thành viên

Ông (Bà):............................................................................................ - Thành viên

Ông (Bà):............................................................................................ - Thành viên

đã tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình về việc bầu hòa giải viên với sự có mặt chứng kiến của đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu làm hòa giải viên là ông (bà):………………………, địa chỉ………….

.................................................................................................................................

Tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố: ............................................

Kết quả kiểm phiếu bầu hòa giải viên như sau:

- Tổng số phiếu phát ra:

- Tổng số phiếu thu về:

- Số phiếu hợp lệ:

- Số phiếu không hợp lệ:

- Kết quả kiểm phiếu:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Số lượng phiếu bầu** | **Tỷ lệ % đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý** |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |

Cuộc họp kết thúc vào…….. giờ……… ngày……… tháng…….. năm………..

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp kiểm phiếu

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNHCHỨNG KIẾN****[[3]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-1154-QD-UBND-2015-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-moi-thuoc-So-Tu-Phap-Thua-Thien-Hue-279843.aspx%22%20%5Cl%20%22_ftn3%22%20%5Co%20%22)***(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TM. TỔ BẦU HÒA GIẢI VIÊNTỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 06**

|  |  |
| --- | --- |
| Xã, phường, thị trấn:………………………….**Thôn, tổ dân phố:**…………………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|   | *…, ngày … tháng … năm….* |

**DANH SÁCH**

**Đề nghị công nhận hòa giải viên**

**Kính gửi:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn

…………………………………………………………………………………………

Căn cứ kết quả bầu hòa giải viên (có biên bản gửi kèm), Ban công tác Mặt trận thôn/tổ dân phố………………………………………..đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn…………………..xem xét, quyết định công nhận hòa giải viên đối với các ông (bà) có tên sau đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Địa chỉ** | **Tỷ lệ % đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý** |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
|   | **TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**2. Thủ tục bầu tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)**

**Trình tự thực hiện:**

a) Tổ chức cuộc họp bầu tổ trưởng tổ hòa giải:

Cuộc họp bầu tổ trưởng tổ hòa giải do Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì và được thực hiện như sau:

- Hòa giải viên tham dự cuộc họp thống nhất danh sách những người được giới thiệu bầu làm tổ trưởng tổ hòa giải, lựa chọn hình thức bầu, thống nhất danh sách Tổ kiểm phiếu trong trường hợp bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín;

- Trường hợp bầu tổ trưởng tổ hòa giải bằng hình thức biểu quyết công khai thì Trưởng ban công tác Mặt trận đếm số người biểu quyết, lập biên bản về kết quả biểu quyết (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN);

- Trường hợp bầu tổ trưởng tổ hòa giải bằng hình thức bỏ phiếu kín thì Tổ kiểm phiếu làm nhiệm vụ phát phiếu, phổ biến quy chế bỏ phiếu, thu nhận phiếu và tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu; lập biên bản kiểm phiếu (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN).

b) Đề nghị và xem xét, công nhận tổ trưởng tổ hòa giải:

Người được đề nghị công nhận là tổ trưởng tổ hòa giải phải đạt trên 50% số hòa giải viên của tổ hòa giải đồng ý và là người có số phiếu bầu cao nhất.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức cuộc họp bầu tổ trưởng tổ hòa giải, Trưởng ban công tác Mặt trận làm văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số [01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN)](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/NQLT-CP-UBT%C6%AFMTTQVN)&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) kèm theo biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết về việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

**Cách thức thực hiện:** Việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết công khai.

**Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải.

- Biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết về việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:**Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:**Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:**Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Trưởng ban công tác Mặt trận, hòa giải viên của tổ hòa giải.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Biên bản về kết quả biểu quyết - Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số [01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/NQLT-CP-UBT%C6%AFMTTQVN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) trong trường hợp bầu tổ trưởng tổ hòa giải bằng hình thức biểu quyết công khai.

- Biên bản kiểm phiếu - Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số[01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/NQLT-CP-UBT%C6%AFMTTQVN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) trong trường hợp bầu tổ trưởng tổ hòa giải bằng hình thức bỏ phiếu kín.

- Giấy đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải - Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN.

**Lệ phí:**Không.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Quyết định công nhận tổ trưởng tổ hòa giải.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

+ Thành lập tổ hòa giải mới;

+ Tổ trưởng tổ hòa giải thôi làm hòa giải viên, thôi làm tổ trưởng tổ hòa giải hoặc không thể tiếp tục làm tổ trưởng tổ hòa giải.

- Người được đề nghị công nhận là tổ trưởng tổ hòa giải phải đạt trên 50% số hòa giải viên của tổ hòa giải đồng ý và là người có số phiếu bầu cao nhất.

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013;

- Nghị quyết liên tịch số [01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/NQLT-CP-UBT%C6%AFMTTQVN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

**Mẫu số 04**

|  |  |
| --- | --- |
| Xã, phường, thị trấn:………………………….**Thôn, tổ dân phố:**…………………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**BIÊN BẢN**

VỀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT BẦU TỔ TRƯỞNG TỔ HÒA GIẢI

Hôm nay, vào………. giờ………, ngày….. tháng…….. năm……

Tại:...........................................................................................................................

Tổ hòa giải................................. thôn/tổ dân phố……………………………….

tổ chức cuộc họp bầu tổ trưởng tổ hòa giải bằng hình thức biểu quyết công khai.

Số lượng hòa giải viên của tổ hòa giải:..................................................................

Số lượng hòa giải viên tham dự cuộc họp:.............................................................

Kết quả biểu quyết bầu tổ trưởng tổ hòa giải như sau:............................................

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Số người biểu quyết đồng ý** | **Tỷ lệ % hòa giải viên của Tổ hòa giải đồng ý** |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |

Cuộc họp kết thúc vào….. giờ….. ngày…. tháng….. năm…….

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 05**

|  |  |
| --- | --- |
| Xã, phường, thị trấn:………………………….**Thôn, tổ dân phố:**…………………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**BIÊN BẢN**

KIỂM PHIẾU BẦU TỔ TRƯỞNG TỔ HÒA GIẢI

Hôm nay, vào……giờ……, ngày….tháng….năm………..

Tại:..........................................................................................................................

Tổ hòa giải …………………………..thôn/tổ dân phố........................................

tổ chức cuộc họp bầu tổ trưởng tổ hòa giải bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Tổ kiểm phiếu bao gồm các ông (bà) có tên sau đây:

Ông (Bà):.......................................................................................... - Tổ Trưởng

Ông (Bà):.......................................................................................... - Thành viên

Ông (Bà):.......................................................................................... - Thành viên

Số lượng hòa giải viên của tổ hòa giải:..................................................................

Số lượng hòa giải viên tham dự cuộc họp:.............................................................

Kết quả kiểm phiếu bầu tổ trưởng tổ hòa giải như sau:

- Tổng số phiếu phát ra:

- Tổng số phiếu thu về:

- Số phiếu hợp lệ:

- Số phiếu không hợp lệ:

- Kết quả kiểm phiếu:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Số người biểu quyết đồng ý** | **Tỷ lệ % hòa giải viên của tổ hòa giải đồng ý** |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |
|   |   |   |   |

Cuộc họp kết thúc vào….. giờ….. ngày...... tháng….. năm……

Biên bản này được đọc công khai tại cuộc họp.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN***(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TM. TỔ KIỂM PHIẾUTỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 07**

|  |  |
| --- | --- |
| Xã, phường, thị trấn:………………………….**Thôn, tổ dân phố:**…………………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|   | *…, ngày … tháng … năm….* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải**

**Kính gửi:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn

………………………………………………………………………………………

Căn cứ kết quả bầu tổ trưởng tổ hòa giải (có biên bản gửi kèm), Ban công tác Mặt trận thôn/tổ dân phố……………………………đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn……………..xem xét, quyết định công nhận tổ trưởng tổ hòa giải đối với ông (bà) có tên sau đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Địa chỉ** | **Tỷ lệ % hòa giải viên của tổ hòa giải đồng ý** |
|   |   |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
|   | **TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**3. Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)**

**Trình tự thực hiện:**

Tổ trưởng tổ hòa giải đề nghị Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của tổ trưởng Tổ hòa giải về việc thôi làm hòa giải viên, Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng dân phố xem xét, xác minh, làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN).

Đối với trường hợp thôi làm hòa giải viên theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 11 của Luật hòa giải ở cơ sở, nếu Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không đồng ý với đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận và trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không thống nhất được với nhau về đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải, thì Trưởng ban công tác Mặt trận thông báo với tổ trưởng tổ hòa giải, nêu rõ lý do không đồng ý, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN).

Trường hợp thôi làm hòa giải viên đối với tổ trưởng tổ hòa giải thì Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

**Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**Thành phần hồ sơ:**Văn bản đề nghị ra quyết định thôi làm hòa giải viên.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:**Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:**Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:**Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Tổ trưởng tổ hòa giải,Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy đề nghị về việc thôi làm hòa giải viên - Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN.

- Báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên - Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số [01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/NQLT-CP-UBT%C6%AFMTTQVN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) đối với trường hợp thôi làm hòa giải viên theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 11 của Luật hòa giải ở cơ sở và nếu Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không đồng ý với đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận và trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không thống nhất được với nhau về đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải.

**Lệ phí:**Không.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Quyết định thôi làm hòa giải viên.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Việc thôi làm hòa giải viên được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Theo nguyện vọng của hòa giải viên;

- Hòa giải viên không còn đáp ứng một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 của Luật hòa giải ở cơ sở;

- Vi phạm nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định tại Điều 4 của Luật hòa giải ở cơ sở hoặc không có điều kiện tiếp tục làm hòa giải viên do bị xử lý vi phạm pháp luật.

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013;

- Nghị quyết liên tịch số [01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/NQLT-CP-UBT%C6%AFMTTQVN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

**Mẫu số 08**

|  |  |
| --- | --- |
| Xã, phường, thị trấn:………………………….**Thôn, tổ dân phố:**…………………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|   | *…, ngày … tháng … năm….* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Về việc thôi làm hòa giải viên**

**Kính gửi:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn

……………………………………………………………………………………

Căn cứ đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải:..............................................................

.................................................................................................................................

về việc thôi làm hòa giải viên, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn………………………………………..xem xét, quyết định thôi làm hòa giải viên đối với ông (bà):................................................................

địa chỉ.....................................................................................................................

.................................................................................................................................

Lý do thôi làm hòa giải viên:..................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG THÔN/TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ***(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 09**

|  |  |
| --- | --- |
| Xã, phường, thị trấn:………………………….**Thôn, tổ dân phố:**…………………………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|   | *…, ngày … tháng … năm….* |

**BÁO CÁO**

**Về việc thôi làm hòa giải viên**

**Kính gửi:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn

……………………………………………………………………………………

Ngày……..tháng……năm…….., tổ trưởng tổ hòa giải:........................................

.................................................................................................................................

đề nghị thôi làm hòa giải viên đối với ông (bà): ...................................................

địa chỉ.....................................................................................................................

.................................................................................................................................

với lý do:..................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

- Ý kiến của Trưởng ban công tác Mặt trận:

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

- Ý kiến của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố:

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn...........................................

............................................................................................. .xem xét, quyết định.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG THÔN/TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ***(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**4. Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên (cấp xã)**

**Trình tự thực hiện:**

- Tổ trưởng tổ hòa giải lập hồ sơ đề nghị thanh toán thù lao cho hòa giải viên.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định và trả thù lao cho hòa giải viên thông qua tổ hòa giải; trường hợp quyết định không thanh toán cho hòa giải viên thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Tổ hòa giải thực hiện trả thù lao cho hòa giải viên theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thù lao.

**Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**Thành phần hồ sơ:**

Giấy đề nghị thanh toán thù lao của hòa giải viên có ghi rõ họ, tên, địa chỉ của hòa giải viên; tên, địa chỉ tổ hòa giải; số tiền đề nghị thanh toán; nội dung thanh toán (có danh sách các vụ, việc trong trường hợp đề nghị thanh toán thù lao cho nhiều vụ, việc); chữ ký của hòa giải viên; chữ ký xác nhận của tổ trưởng tổ hòa giải.

Xuất trình Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở để đối chiếu khi cần thiết.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:**Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:**Không.

**Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:**Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Hòa giải viên.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Chưa quy định.

**Lệ phí:**Không.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Quyết định thanh toán thù lao cho hòa giải viên/ hoặc văn bản trả lời trong trường hợp không thanh toán.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Vụ, việc được tiến hành hòa giải và đã kết thúc theo quy định tại Điều 23 của Luật hòa giải ở cơ sở;

- Hòa giải viên không vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 10 Luật hòa giải ở cơ sở.

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013;

- Nghị quyết liên tịch số [01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/NQLT-CP-UBT%C6%AFMTTQVN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

[[1]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-1154-QD-UBND-2015-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-moi-thuoc-So-Tu-Phap-Thua-Thien-Hue-279843.aspx#_ftnref1) Chữ ký của đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu làm hòa giải viên

[[2]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-1154-QD-UBND-2015-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-moi-thuoc-So-Tu-Phap-Thua-Thien-Hue-279843.aspx#_ftnref2) Chữ ký của đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu làm hòa giải viên

[[3]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-1154-QD-UBND-2015-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-moi-thuoc-So-Tu-Phap-Thua-Thien-Hue-279843.aspx#_ftnref3) Chữ ký của đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu làm hòa giải viên

**III. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC:**

**1. Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại co quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại:**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Đại diện của cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu, xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ;

- Người bị thiệt hại gửi đơn (kèm hồ sơ) yêu cầu bồi thường;

- Cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết;

- Cơ quan có trách nhiệm bồi thường xác minh thiệt hại;

- Cơ quan có trách nhiệm bồi thường thương lượng việc bồi thường;

- Cơ quan có trách nhiệm bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua hệ thống bưu chính;

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn yêu cầu bồi thường theo Mẫu 01a, 01b và 1c ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số[18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 14/12/2015 của liên Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ;

- Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ;

- Giấy ủy quyền yêu cầu bồi thường hợp pháp, trong trường hợp người yêu cầu bồi thường làngười đại diện theo ủy quyền của người bị thiệt hại;

- Tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có).

Trường hợp người bị thiệt hại chết mà người thừa kế của người bị thiệt hại gửi đơn yêu cầu bồi thường, thì ngoài các tài liệu trên, hồ sơ yêu cầu bồi thường còn phải có các tài liệu sau đây:

+ Di chúc của người bị thiệt hại hoặc văn bản hợp pháp khác chứng minh quyền thừa kế của người yêu cầu bồi thường;

+ Văn bản ủy quyền hợp pháp về việc cử một người trong những người thừa kế hoặc cử người khác không phải là người thừa kế làm người đại diện cho những người thừa kế của người bị thiệt hại thực hiện quyền yêu cầu bồi thường, trong trường hợp người bị thiệt hại có nhiều người thừa kế;

+ Chứng minh thư nhân dân và các loại giấy tờ chứng minh quan hệ của họ đối với người bị thiệt hại như: hộ khẩu, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, giấy khai sinh của người yêu cầu bồi thường... hoặc xác nhận của chính quyền địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người bị thiệt hại làm việc xác nhận người bị thiệt hại là thân nhân của người yêu cầu bồi thường.

Ghi chú:

- Trường hợp người bị thiệt hại trực tiếp gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường tại cơ quan có trách nhiệmbồi thường thì gửi bản photocopy các giấy tờ trên đồng thời mang theo bản chính để đối chiếu.

- Trường hợp người bị thiệt hại gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường đến cơ quan có trách nhiệm bồi thường thông qua đường bưu điện thì gửi bản sao có chứng thực các giấy tờ trên.

b) Số lượng: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết hồ sơ:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn và các giấy tờ hợp lệ.

**5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** UBND cấp xã

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức

**7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn yêu cầu bồi thường (Mẫu số 01a, 01b, 01c Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT/BTP-BTC-TTCP ngày 14/12/2015 hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính).

**8. Lệ phí:** Không,

**9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính chỉ phát sinh khi có đủ các điều kiện sau đây:

+ Có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật;

+ Hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường quy định tại Điều 13 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

+ Có thiệt hại thực tế xảy ra;

+ Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế xảy ra và hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ.

- Nhà nước không bồi thường đối với thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị thiệt hại;

- Trường hợp người bị thiệt hại cũng có một phần lỗi trong việc gây ra thiệt hại thì Nhà nước chỉ bồi thường phần thiệt hại sau khi trừ đi phần thiệt hại tương ứng với với phần lỗi của người bị thiệt hại gây ra. Việc xác định thiệt hại bồi thường sau khi trừ đi phần thiệt hại do lỗi của người thiệt hại gây ra được thực hiện theo quy định của Bộ Luật dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2009;

- Nghị định số [16/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=16/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03/3/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

- Thông tư liên tịch số [18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 14/12/2015 của Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính - Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính.

**Mẫu số 01a** (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT/BTP-BTC-TTCP ngày 14/12/2015 hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------**

**ĐƠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG***(đối với cá nhân bị thiệt hại)*

Kính gửi: …………………… *(Tên cơ quan có trách nhiệm bồi thường)*

Tên tôi là: ……………………………………………………………………………………

Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………

Căn cứ (nêu tên văn bản quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số [18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)ngày 14/12/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ), tôi đề nghị Quý cơ quan xem xét, giải quyết bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, bao gồm các khoản sau:

**1. Yêu cầu thu thập văn bản xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ**

(Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành văn bản xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ nhưng người bị thiệt hại không có khả năng cung cấp văn bản đó).

**2. Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm (nếu có)**

Tên tài sản: …………………………………………………………………………………

Đặc điểm của tài sản (hình dáng, màu sắc, kích thước, công dụng, năm sản xuất, xuất xứ tài sản, nơi mua tài sản…):……………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

Tình trạng tài sản *(bị phát mại, bị mất, bị hư hỏng)*: ………………………………………….

Giá trị tài sản khi mua: ………………………………………………………………………

Giá trị tài sản khi bị xâm phạm: …………………………………………………………

Thiệt hại do việc không sử dụng, khai thác tài sản (nếu có): ………………………………..

*(Kèm theo tài liệu chứng minh về tài sản nêu trên nếu có)*

Mức yêu cầu bồi thường: ……………………………………………………………………

**3. Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút (nếu có)**

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

*(Kèm theo tài liệu chứng minh thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút)*

**4. Thiệt hại do tổn thất về tinh thần (nếu có)**

a) Trường hợp bị tạm giữ, bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh

Số ngày bị tạm giữ / bị đưa vào trường giáo dưỡng / cơ sở giáo dục / cơ sở chữa bệnh (từ ngày……………………… đến ngày ……………): ……………………… ngày.

Số tiền yêu cầu bồi thường:………………………………………………………………….

b) Trường hợp sức khỏe bị xâm phạm

Mức độ sức khỏe bị tổn hại: …………………………………………………………………

Số tiền yêu cầu bồi thường: …………………………………………………………………

**5. Thiệt hại về vật chất do bị tổn hại về sức khỏe (nếu có)**

a) Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút, bao gồm: ……………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………………

*(Kèm theo hồ sơ bệnh án, hóa đơn, chứng từ, xác nhận liên quan đến các chi phí trên).*

b) Chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị (nếu có): …………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………

*(Kèm theo giấy tờ chứng minh những khoản tiền trên)*

c) Trường hợp người bị thiệt hại mất khả năng lao động

- Chi phí hợp lý cho người thường xuyên chăm sóc người bị thiệt hại (nếu có): …………

………………………………………………………………………………………………………

- Khoản tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng (nếu có):

………………………………………………………………………………………………………

*(Kèm theo giấy tờ chứng minh những khoản tiền trên)*

**6. Tổng cộng số tiền đề nghị bồi thường**

………………………………………………………………………………………………………

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét, giải quyết bồi thường cho Tôi về những thiệt hại trên theo quy định của pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | *….. ngày …. tháng …. năm …..***Người yêu cầu bồi thường***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 01b**(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP ngày14/12/2015 hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------------**

**ĐƠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI***(đối với trường hợp người bị thiệt hại chết)*

Kính gửi: ……………………… *(Tên cơ quan có trách nhiệm bồi thường)*

Tên tôi là: .........................................................................................................................

Địa chỉ: .............................................................................................................................

Là: …………….. (Ghi rõ quan hệ với người bị thiệt hại là: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, người trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại, người được người bị thiệt hại trực tiếp nuôi dưỡng).

Được sự ủy quyền của những người sau (nếu có):

............................................................................................................................................

Căn cứ (nêu tên văn bản quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số [18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)ngày 14/12/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ), tôi đề nghị Quý cơ quan xem xét, giải quyết bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, bao gồm các khoản sau:

**1. Yêu cầu thu thập văn bản xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ**

(Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành văn bản xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ nhưng người bị thiệt hại không có khả năng cung cấp văn bản đó).

**2. Thiệt hại do tổn thất về tinh thần**……………………………………………………….

...............................................................................................................................

**3. Chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc người bị thiệt hại trước khi chết (nếu có)**....................................................................................................................

...............................................................................................................................………

*(Kèm theo hồ sơ bệnh án, hóa đơn, chứng từ, xác nhận liên quan đến các chi phí trên)*

**4. Khoản tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng (nếu có)**……………………………………………………………………

*(Kèm theo giấy tờ chứng minh những khoản tiền cấp dưỡng trên)*

**5. Chi phí mai táng**..........................................................................................................

...........................................................................................................................................

*(Kèm theo giấy chứng tử)*

**6. Tổng cộng số tiền đề nghị bồi thường**.....................................................................

...............................................................................................................................

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét, giải quyết bồi thường cho Tôi theo quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn***(Về mối quan hệ giữa người yêu cầu bồi thường và người bị thiệt hại đã chết)(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* | *…….. ngày … tháng … năm ……***Người yêu cầu bồi thường***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 01c**(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP ngày14/12/2015 hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------------**

**ĐƠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG***(đối với tổ chức bị thiệt hại)*

Kính gửi: ……………………… *(Tên cơ quan có trách nhiệm bồi thường)*

Tên tổ chức: ......................................................................................................................

Địa chỉ: ..............................................................................................................................

Căn cứ (nêu tên văn bản quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số [18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)ngày 14/12/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ), tôi đề nghị Quý cơ quan xem xét, giải quyết bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, bao gồm các khoản sau:

**1. Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm (nếu có)**

Tên tài sản: .........................................................................................................

Đặc điểm của tài sản (hình dáng, màu sắc, kích thước, công dụng, năm sản xuất, xuất xứ tài sản, nơi mua tài sản …):

.............................................................................................................................

Tình trạng tài sản *(bị phát mại, bị mất, bị hư hỏng):*...........................................

Giá trị tài sản khi mua: ...................................................................................................

Giá trị tài sản khi bị xâm phạm: .....................................................................................

Thiệt hại do việc không sử dụng, khai thác tài sản (nếu có): ........................................

.......................................................................................................................................

*(Kèm theo tài liệu chứng minh về tài sản nêu trên nếu có)*

Mức yêu cầu bồi thường: ..............................................................................................

**2. Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút (nếu có)**

.......................................................................................................................................

*(Kèm theo tài liệu chứng minh thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút)*

**3. Tổng cộng số tiền đề nghị bồi thường**.................................................................

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét, giải quyết bồi thường về những thiệt hại trên theo quy định của pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | *…….. ngày … tháng … năm ……***Thủ trưởng cơ quan/đơn vị***(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

**IV. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI**

**1. Đăng ký nuôi con nuôi trong nước**

**Trình tự thực hiện:**

- Người nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã nơi người được nhận làm con nuôi thường trú (đối với các trường hợp thông thường) hoặc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú (nếu là cha dượng, mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi hoặc có sự thỏa thuận giữa người nhận con nuôi với cha mẹ đẻ, người giám hộ của người được nhận làm con nuôi);

*- Công chức tư pháp – hộ tịch kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người có liên quan;*

*- Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký nuôi con nuôi, trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng, tổ chức giao nhận con nuôi và ghi vào sổ hộ tịch;*

*- Trường hợp từ chối đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản cho người nhận con nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng.*

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.

**Thành phần hồ sơ:**

**Hồ sơ của người nhận con nuôi:**

-Đơn xin nhận con nuôi theo mẫu quy định; (Bản chính)

- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân hoặc giầy tờ có giá trị thay thế; (Bảo sao)

- Phiếu lý lịch tư pháp; (Bản chính, được cấp chưa quá 06 tháng)

- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân (Bản sao nếu là Giấy chứng nhận kết hôn hoặc bản gốc nếu là giấy xác nhận tình trạng độc thân;

- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (Bản chính, được cấp chưa quá 06 tháng);

- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (trường hợp cha dượng, mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi thì không cần văn bản này) (bản chính, được cấp chưa quá 06 tháng).

**Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:**

- Giấy khai sinh;

- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;

- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ để mất năng lực hành vi dân sự;

- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 30 ngày, trong đó:

- Kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, giao - nhận con nuôi: 20 ngày, kể từ ngày có ý kiến đồng ý của những người có liên quan (theo quy định của Điều 21 Luật nuôi con nuôi).

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** UBND cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn xin nhận con nuôi (Mẫu TP/CN-2014/CN.02);

- Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi (mẫu sử dụng cho người nhận con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) - TP/CN-2011/CN.06.

**Lệ phí:** 400.000 đồng/trường hợp.

- Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận nuôi con nuôi.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Người nhận con nuôi phải có đủ điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên – không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu,dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;

- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu,dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;

- Có tư cách đạo đức tốt.

\* Các trường hợp không được nhận con nuôi:

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;

- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;

- Đang chấp hành hình phạt tù;

- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

*\* Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện sau:*

*- Là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi;*

*- Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.*

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật nuôi con nuôi 2010;

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;

- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.

- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

*- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;*

*- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Mẫu TP/CN-2011/CN.06*

**TỜ KHAI HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

**PHẦN TỰ KHAI CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

 **1. Ông:**

Họ và tên: ......................................................................... Ngày sinh: ..............................

Nơi sinh: .......................................................................................................................

Số Giấy CMND: ......................... Nơi cấp: ..............................Ngày cấp ..........................

Nghề nghiệp:.......................................................................................................................

Nơi thường trú:..................................................................................................................

Tình trạng hôn nhân[[1]](#footnote-1): .......................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................

**2. Bà:**

Họ và tên: .................................................................................. Ngày sinh: ........................

Nơi sinh: .........................................................................................................................

Số Giấy CMND: .............................. Nơi cấp: ....................... Ngày cấp ...............................

Nghề nghiệp: ...................................................................................................................

Nơi thường trú: .................................................................................................................

Tình trạng hôn nhân[[2]](#footnote-2): ...............................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

 **3. Hoàn cảnh gia đình[[3]](#footnote-3):** ..................................................................................................................................................

.................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

............................................................................................................................................

**4. Hoàn cảnh kinh tế:**

- Nhà ở: ...................................................................................................................................................

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................

- Mức thu nhập: ...................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................

- Các tài sản khác: ...................................................................................................................................................

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

  *..............., ngày........ tháng..........năm..............*

 **Ông**  **Bà**

 *(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)*

**Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi:**

...................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

 *..............., ngày...........tháng............ năm.........*

 **Tổ trưởng dân phố/Trưởng thôn**

 *(Ký, ghi rõ họ tên)*

 ***Xác minh của công chức tư pháp - hộ tịch[[4]](#footnote-4):***

...................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*..............., ngày...........tháng............ năm.........*

 **Người xác minh**

 *(Ký, ghi rõ họ tên)*

 **Xác nhận của UBND xã/phường/thị trấn**

  *..............., ngày...........tháng............ năm.........*

 **TM. UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

 *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

*Mẫu TP/CN-2014/CN.02*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh 4 x 6 cm

Ảnh 4 x 6cm

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI**

**(**Dùng cho trường hợp nuôi con nuôi trong nước)

Kính gửi:[[5]](#footnote-5)......................................................................................................

 ..............................................................................................................................................

**Chúng tôi/tôi là:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Ông** | **Bà** |
|  Họ và tên |  |  |
| Ngày, tháng, năm sinh |  |  |
| Nơi sinh |  |  |
| Dân tộc |  |  |
| Quốc tịch |  |  |
| Nghề nghiệp |  |  |
| Nơi thường trú |  |  |
| Số Giấy CMND/Hộ chiếu |  |  |
| Nơi cấp |  |  |
| Ngày, tháng, năm cấp |  |  |
| Địa chỉ liên hệ |  |  |
| Điện thoại/fax/email  |  |  |

 ***Có nguyện vọng nhận trẻ em dưới đây làm con nuôi:***

Họ và tên:…............................................................ Giới tính: ………………………….

Ngày, tháng, năm sinh: .....................................................................................................

Nơi sinh: ...............................................................................................................................

Dân tộc*:* ................................................. Quốc tịch*:* .........................................................

Tình trạng sức khoẻ: ...............................................................................................................

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.............................................................................................. .......................................................................................................................................

Nơi đang cư trú:

🗆 Gia đình:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ông  | Bà |
| Họ và tên  |  |  |
| Ngày, tháng, năm sinh |  |  |
| Địa chỉ liên hệ |  |  |
| Điện thoại,/fax/ email  |  |  |
| Quan hệ với trẻ em được nhận làm con nuôi |  |  |

 🗆 Cơ sở nuôi dưỡng[[6]](#footnote-6): ...................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................

 Lý do nhận con nuôi: ...................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................

………...…………………………………………………………………................................

Nếu được nhận trẻ em làm con nuôi, chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi thông báo về tình trạng phát triển mọi mặt của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho.......................................................................................................[[7]](#footnote-7) nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị[[8]](#footnote-8) ...................................................................................................................... xem xét, giải quyết.

  *.................., ngày ................. tháng ........... năm.................*

 **ÔNG BÀ**

 *(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)*

**2. Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước**

**Trình tự thực hiện:**

- Người có yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi nộp Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và cấp cho người yêu cầu đăng ký lại 01 bản chính Giấy chứng nhận nuôi con nuôi. *Mục ghi chú của bản chính Giấy chứng nhận nuôi con nuôi và Sổ đăng ký nuôi con nuôi ghi rõ là đăng ký lại.*

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Thành phần hồ sơ:**

Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng).

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi - TP/CN-2011/CN.04.

**Lệ phí:** Không.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi .

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được;

- Cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật nuôi con nuôi 2010;

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;

- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

*- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;*

*- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;*

*- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Ảnh 4x 6 cm

(chụp chưa quá 6 tháng)

Ảnh 4x 6 cm

(chụp chưa quá 6 tháng)

*Mẫu TP/CN-2011/CN.04*

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**-------------------------------**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI**

Kính gửi:[[9]](#footnote-9).............................................................................................................................

 ..............................................................................................................................................

 **Chúng tôi /tôi là:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Ông** | **Bà** |
| Họ và tên |  |  |
| Ngày, tháng, năm sinh |  |  |
| Nơi sinh |  |  |
| Dân tộc |  |  |
| Quốc tịch |  |  |
| Nơi th­ường trú |  |  |
| Số Giấy CMND/Hộ chiếu  |  |  |
| Nơi cấp |  |  |
| Ngày, tháng, năm cấp |  |  |
| Địa chỉ liên hệ |  |  |
| Điện thoại/fax/email |  |  |

**Đã nhận người có tên dưới đây làm con nuôi:**

Họ và tên: .......................................................................Giới tính: .........................................

Ngày, tháng, năm sinh: .....................................................................................................

Nơi sinh: .......................................................................................................................

Dân tộc: ........................................................Quốc tịch: ................................................

Nơi thường trú: ...................................................................................................................

...................................................................................................................................................

**Phần khai về bên giao con nuôi trước đây[[10]](#footnote-10):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Ông** | **Bà** |
| Họ và tên |  |  |
| Ngày, tháng, năm sinh |  |  |
| Nơi sinh |  |  |
| Dân tộc |  |  |
| Quốc tịch |  |  |
| Nơi th­ường trú/tạm trú  |  |  |
| Số Giấy CMND/Hộ chiếu  |  |  |
| Nơi cấp |  |  |
| Ngày, tháng, năm cấp |  |  |
| Địa chỉ liên hệ |  |  |
| Điện thoại/fax/email |  |  |

**Quan hệ với trẻ được nhận làm con nuôi** **[[11]](#footnote-11):**....................................................................

Tên cơ sở nuôi dưỡng: .........................................................................................................

Chức vụ của người đại diện cơ sở nuôi dưỡng:.................................................................

.................................................................................................................................................

**Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại:** ......................................................................

.................................................................................ngày..............tháng..............năm............ .

Chúng tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị....................................................................................... đăng ký.

 *.................................., ngày ............tháng............năm............*

 **Người khai**

  *(Ký, ghi rõ họ tên)*

|  |
| --- |
|  **Xác nhận của Người làm chứng thứ nhất15** Tôi tên là.........................................................sinh năm .........  Số CMND...................................., cư trú tại.......................... ......................................................................................................... Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi nêu trên là đúng sự thật  và xin chịu trách nhiệm về việc làm chứng của mình. *................., ngày..........tháng......... năm...........* *(Ký, ghi rõ họ tên)*  |

**Xác nhận của Người làm chứng thứ hai**

Tôi tên là.................................................sinh năm ...............

Số CMND...................................., cư trú tại........................ ...............................................................................................

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về việc làm chứng của mình.

 *................., ngày..........tháng......... năm...........*

 *(Ký, ghi rõ họ tên)*

**3. Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi**

**Trình tự thực hiện:**

- Người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới của nước láng giềng nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em được nhận làm con nuôi thường trú.

*- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,* *công chức tư pháp – hộ tịch kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người có liên quan và có văn bản gửi Sở Tư pháp kèm theo 01 bộ hồ sơ của người nhận con nuôi và của trẻ em để xin ý kiến;*

*- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Tư pháp xem xét hồ sơ xin nhận con nuôi và trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã;*

*- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký việc nuôi con nuôi, tiến hành giao nhận con nuôi. Trường hợp Sở Tư pháp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản cho người nhận con nuôi và nêu rõ lý do.*

 **Cách thức thực hiện**: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi trẻ em thường trú

**Thành phần hồ sơ**:

**Hồ sơ của người nhận con nuôi:**

- Đơn xin nhận con nuôi theo mẫu quy định; (Bản chính, theo mẫu quy định)

- Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; (Bảo sao, dịch tiếng Việt)

- Phiếu lý lịch tư pháp; (Bản chính, dịch tiếng Việt, được cấp chưa quá 06 tháng)

- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế (Bản chính, dịch tiếng Việt, được cấp chưa quá 06 tháng)

- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân (Bản sao nếu là Giấy chứng nhận kết hôn hoặc bản gốc nếu là giấy xác nhận tình trạng độc thân, dịch tiếng Việt).

- Giấy khám sức khỏe (Bản chính, dịch tiếng Việt, được cấp chưa quá 06 tháng);

- 02 Ảnh chụp toàn thân (Chụp mới nhất, cỡ 9c x 12cm hoặc 10 cmx15 cm).

**Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:**

 - Giấy khai sinh;

 - Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;

 - Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;

 - Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ để mất năng lực hành vi dân sự;

- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

 **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ.

 **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 30 ngày, trong đó:

- UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người có liên quan: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

 - Sở Tư pháp có ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã;

 - Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp.

 **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em thường trú.

 **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người được nhận làm con nuôi thường trú.

**Cơ quan phối hợp:** Sở Tư pháp.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

 **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn xin nhận con nuôi (Mẫu TP/CN-2014/CN.02);

- Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi (mẫu sử dụng cho người nhận con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) - TP/CN-2011/CN.06.

**Lệ phí:** *4.500.000 đồng/trường hợp.*

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận nuôi con nuôi.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

 \* Người xin nhận con nuôi có đủ các điều kiện như sau:

 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

 - Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;

 - Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;

 - Có tư cách đạo đức tốt.

\* Các trường hợp không được nhận con nuôi:

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;

- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;

- Đang chấp hành hình phạt tù;

- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

 *\* Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ các điều kiện sau:*

*- Là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi;*

*- Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.*

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

 - Luật nuôi con nuôi 2010;

 - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;

 - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.

- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

*- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;*

*- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

**PHẦN TỰ KHAI CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

 **1. Ông:**

Họ và tên: ................................................................................... Ngày sinh: .........................

Nơi sinh: ...........................................................................................................................

Số Giấy CMND: ..................... Nơi cấp: ......................................Ngày cấp ........................

Nghề nghiệp: ....................................................................................................................

Nơi thường trú............................................................................................................

Tình trạng hôn nhân[[12]](#footnote-12): .........................................................................................................................................

...................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................

**2. Bà:**

Họ và tên: ............................................................ Ngày sinh: ............................................

Nơi sinh: ...........................................................................................................................

Số Giấy CMND: ............................... Nơi cấp: ................... Ngày cấp ................................

Nghề nghiệp: ...................................................................................................................

Nơi thường trú: .................................................................................................................

Tình trạng hôn nhân[[13]](#footnote-13): .........................................................................................................................................

...................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................

 **3. Hoàn cảnh gia đình[[14]](#footnote-14):** ...................................................................................................................................

...................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**4. Hoàn cảnh kinh tế:**

- Nhà ở: ...................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................

- Mức thu nhập: ...................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................

- Các tài sản khác: ...................................................................................................................................................

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

  *..............., ngày........ tháng..........năm..............*

 **Ông**  **Bà**

 *(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)*

**Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi:**

...................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

 *..............., ngày...........tháng............ năm.........*

 **Tổ trưởng dân phố/Trưởng thôn**

 *(Ký, ghi rõ họ tên)*

 ***Xác minh của công chức tư pháp - hộ tịch[[15]](#footnote-15):***

...................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

 *..............., ngày...........tháng............ năm.........*

 **Người xác minh**

 *(Ký, ghi rõ họ tên)*

 **Xác nhận của UBND xã/phường/thị trấn**

  *..............., ngày...........tháng............ năm.........*

 **TM. UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

 *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

*Mẫu TP/CN-2014/CN.02*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh 4 x 6 cm

Ảnh 4 x 6cm

**ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI**

**(**Dùng cho trường hợp nuôi con nuôi trong nước)

Kínhgửi:[[16]](#footnote-16).............................................................................................................................

 ..............................................................................................................................................

**Chúng tôi/tôi là:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Ông** | **Bà** |
|  Họ và tên |  |  |
| Ngày, tháng, năm sinh |  |  |
| Nơi sinh |  |  |
| Dân tộc |  |  |
| Quốc tịch |  |  |
| Nghề nghiệp |  |  |
| Nơi thường trú |  |  |
| Số Giấy CMND/Hộ chiếu |  |  |
| Nơi cấp |  |  |
| Ngày, tháng, năm cấp |  |  |
| Địa chỉ liên hệ |  |  |
| Điện thoại/fax/email  |  |  |

 ***Có nguyện vọng nhận trẻ em dưới đây làm con nuôi:***

Họ và tê…............................................................ Giới tính: …………………….

Ngày, tháng, năm sinh: ..................................................................................................

Nơi sinh: ...........................................................................................................................

Dân tộc*:* ..................................... Quốc tịch*:* .................................................................

Tình trạng sức khoẻ: ..........................................................................................................

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:............................................................................................

Nơi đang cư trú:

🗆 Gia đình:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ông  | Bà |
| Họ và tên  |  |  |
| Ngày, tháng, năm sinh |  |  |
| Địa chỉ liên hệ |  |  |
| Điện thoại,/fax/ email  |  |  |
| Quan hệ với trẻ em được nhận làm con nuôi |  |  |

 🗆 Cơ sở nuôi dưỡng[[17]](#footnote-17): ...................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................

 Lý do nhận con nuôi: ...................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................

………...…………………………………………………………………................................

Nếu được nhận trẻ em làm con nuôi, chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi thông báo về tình trạng phát triển mọi mặt của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho.......................................................................................................[[18]](#footnote-18) nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị[[19]](#footnote-19) ...................................................................................................................... xem xét, giải quyết.

  *.................., ngày ................. tháng ........... năm.................*

 **ÔNG BÀ**

 *(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)*

1. *Khai rõ đây là lần kết hôn thứ mấy của người nhận con nuôi, tình trạng con cái.*  [↑](#footnote-ref-1)
2. *Khai như chú thích 1.* [↑](#footnote-ref-2)
3. *Khai rõ hiện nay người nhận con nuôi đang sống cùng với ai; thái độ của những người trong gia đình về việc nhận con nuôi.* [↑](#footnote-ref-3)
4. *Ý kiến của cán bộ xác minh về các nội dung mà người nhận con nuôi tự khai ở trên. Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi.* [↑](#footnote-ref-4)
5. Trường hợp người nhận con nuôi thường trú trong nước, thì gửi UBND xã/ phường/thị trấn nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam, nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi. [↑](#footnote-ref-5)
6. Ghi rõ tên và địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng. [↑](#footnote-ref-6)
7. Ghi tên UBND xã/phường/thị trấn hoặc Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. [↑](#footnote-ref-7)
8. Như kính gửi. [↑](#footnote-ref-8)
9. *Trường hợp nuôi con nuôi trong nước, thì gửi UBND xã/ phường/thị trấn nơi có thẩm quyền đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, thì gửi Sở Tư pháp, nơi có thẩm quyền đăng ký lại việc nuôi con nuôi.* [↑](#footnote-ref-9)
10. *Nếu có được các thông tin này.* [↑](#footnote-ref-10)
11. 14 *Ghi rõ là cha, mẹ đẻ; người giám hộ hay cơ sở nuôi dưỡng. Nếu là cơ sở nuôi dưỡng thì ghi rõ tên cơ sở nuôi dưỡng,
 chức vụ của người đại diện cơ sở nuôi dưỡng.*

*15.Không cần có xác nhận của người làm chứng nếu đăng ký lại việc nuôi con nuôi tại UBND cấp xã/STP nơi đã đăng ký việc NCN trước đây.* [↑](#footnote-ref-11)
12. *Khai rõ đây là lần kết hôn thứ mấy của người nhận con nuôi, tình trạng con cái.*  [↑](#footnote-ref-12)
13. *Khai như chú thích 1.* [↑](#footnote-ref-13)
14. *Khai rõ hiện nay người nhận con nuôi đang sống cùng với ai; thái độ của những người trong gia đình về việc nhận con nuôi.* [↑](#footnote-ref-14)
15. *Ý kiến của cán bộ xác minh về các nội dung mà người nhận con nuôi tự khai ở trên. Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi.* [↑](#footnote-ref-15)
16. *Trường hợp người nhận con nuôi thường trú trong nước, thì gửi UBND xã/ phường/thị trấn nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam, nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi.* [↑](#footnote-ref-16)
17. *Ghi rõ tên và địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng.*  [↑](#footnote-ref-17)
18. *Ghi tên UBND xã/phường/thị trấn hoặc Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.* [↑](#footnote-ref-18)
19. *Như kính gửi.* [↑](#footnote-ref-19)